

NIỀM TIN TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI VIỆT

Nguyễn Hồi Loan

Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.

Thờ cúng tổ tiên (TCTT) là một nét văn hoá truyền thống của người Việt, nó là đạo lý, phong tục, tập quán của một dân tộc. TCTT liên quan đến thế giới tâm linh, là một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người Việt. Qua thờ cúng con cháu tỏ lòng biết ơn, kính trọng tổ tiên và cầu mong tổ tiên “*phù hộ, che chở*” cho cuộc sống hiện thực của mình.

Tháng 5 năm 2005, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu vấn đề này tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định với 300 người dân (trong đó có: 50 người già, hưu trí; 100 cán bộ công nhân viên chức; 102 nông dân; 48 thanh niên, sinh viên). Kết quả điều tra thu được như sau:

1. Nhận thức về tầm quan trọng của TCTT trong đời sống tinh thần của gia đình

Bảng 1: Nhận thức của người dân về tầm quan trọng của thờ cúng tổ tiên

STT	Các mức độ	Kết quả	
		Tổng số	Số %
1	Rất quan trọng	144	48,0
2	Quan trọng	127	42,3
3	Bình thường	29	9,7
4	Không quan trọng	0	0
Tổng số		300	100

Phân tích số liệu bảng 1 cho thấy, đa số người dân cho rằng việc thờ cúng tổ tiên là quan trọng, có ý nghĩa giáo dục đối với các thành viên trong gia đình, dòng họ. Với nhiều người, đó là nhu cầu đền ơn đáp nghĩa, tôn kính đối với tổ tiên mình và còn là nhu cầu tinh thần để bù đắp những thiếu hụt trong cuộc sống thực tại khó khăn của chính họ. Có thể nói rằng, TCTT là một phong

tục phù hợp với nếp sống của người Việt. Người Việt Nam rất trọng hiếu nghĩa. Tổ tiên sinh ra ông bà, ông bà sinh ra cha mẹ, cha mẹ sinh ra mình. Là một người con hiếu thảo phải biết đền đáp ơn nghĩa sinh thành của ông bà, cha mẹ. Khi ông bà, cha mẹ còn sống, con cháu phải phụng dưỡng và làm theo những lời dạy bảo của họ. Khi ông bà cha mẹ “về với tổ tiên” thì ngoài việc lo ma chay, con cháu phải thờ phụng họ. Bởi vậy, TCTT không chỉ thể hiện trách nhiệm của con cháu với tổ tiên mà nó còn là sinh hoạt văn hoá cộng đồng với chức năng cố kết các thành viên trong gia đình, dòng tộc. Duy trì TCTT cũng chính là “*tạo ra một môi trường gặp gỡ, giao lưu và trao đổi qua lại giữa con cháu với tổ tiên thông qua hành vi thờ cúng*”.

2. Quan niệm của người dân về sự tồn tại của tổ tiên

Trong quan niệm của người Việt xưa, người chết chưa phải là hết, thể xác tuy chết đi nhưng linh hồn vẫn còn tồn tại và thường xuyên lui tới gia đình để “*gặp gỡ*” con cháu, vong hồn người đã khuất luôn “*ngự*” trên bàn thờ và theo dõi, giúp đỡ con cháu trong cuộc sống hàng ngày theo cách “*dương sao âm vậy*”, điều đó được họ hiểu là người trần trên dương thế cần gì thì linh hồn người chết ở cõi âm cũng cần như vậy. Có nghĩa là linh hồn tổ tiên cũng cần phải ăn, uống, mặc, ở, tiêu pha... như khi họ còn sống. Theo số liệu ở 3 cuộc khảo sát vào năm 1998, 1999, 2000 của Vũ Dũng thì có 36,8% người dân tin vào sự tồn tại của thánh thần.

Kết quả điều tra của chúng tôi về vấn đề này được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 2: Quan niệm của người dân về sự tồn tại của tổ tiên

STT	Các yếu tố	Giới tính				Tổng số	
		Nam		Nữ		Số người	%
		Số người	%	Số người	%		
1	Vô hình, không nhìn thấy	62	56,4	88	52,4	150	54
2	Giống như khi còn sống	20	18,2	36	21,4	56	20,1
3	Ở trên bàn thờ	20	18,2	38	22,6	58	20,9
4	Ý kiến khác	8	7,3	6	3,6	14	5,0
Tổng số		110	100	168	100	278	100

Phân tích số liệu bảng 2 cho thấy: có hơn một nửa số người dân được hỏi cho rằng linh hồn của tổ tiên tồn tại dưới dạng vô hình, chúng ta không nhận biết được.

Tuy vậy, tỷ lệ số người cho rằng linh hồn tổ tiên vẫn như hình ảnh của họ khi còn sống hay hiện diện ở trên ban thờ chiếm tỷ lệ khá lớn. Điều này cho thấy, mặc dù những người thân đã ra đi, song họ vẫn để lại những hình ảnh, ấn tượng sâu đậm trong tâm trí của những người sống.

Việc thờ cúng tổ tiên là một hình thức giao tiếp với những người đã mất.

3. Nội dung cầu khẩn của người dân trong hành vi thờ cúng tổ tiên

Có thể khẳng định rằng, khi thực hiện hành vi thờ cúng, mọi người đều cầu khẩn một (hoặc nhiều) điều gì đó, mong muốn tổ tiên phù hộ độ trì, giúp đỡ họ đạt được điều mà họ mong ước hoặc tránh được những rủi ro, bất trắc trong cuộc sống. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi đã phản ánh các nội dung trên.

Bảng 3: Nội dung cầu khẩn thông qua hành vi thờ cúng

S T T	Các nội dung cầu khẩn	Nhóm khách thể								Tổng số	
		Già, hưu trí		CN viên chức		Nông dân		Thanh niên, sinh viên			
		Số ý kiến	%	Số ý kiến	%	Số ý kiến	%	Số ý kiến	%	Số ý kiến	%
1	Sức khỏe	50	100	88	88	88	86.3	36	75	262	87.3
2	May mắn	50	100	74	74	78	76.5	26	54.2	288	76.0
3	Hạnh phúc	50	100	80	80	80	78.4	34	70.8	244	81.3
4	Ăn nên làm ra	40	80	59	59	69	67.6	26	54.2	194	64.7
5	Đạt được mong muốn	40	0	59	59	69	67.6	30	62.5	198	66.0
6	Ý kiến khác	0		20	20	10	9.8	10	20.8	40	13.3

Bảng số liệu trên đã phản ánh một niềm tin của người dân trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Họ cầu mong tổ tiên phù hộ cho họ có được sức khỏe, hạnh phúc, ăn nên làm ra, gặp nhiều may mắn... Những điều này, trong cuộc sống thực, họ luôn gặp vô vàn khó khăn, trở ngại trên con đường vươn tới để đạt được nó. Tất cả các vấn đề hàng ngày của thế giới trần tục đều được người dân thể hiện qua lời cầu khẩn, trong một không gian thiêng và trước sức mạnh siêu phàm của tổ tiên. Họ chìm đắm trong không gian thiêng đó và cảm nhận những điều mong ước sẽ trở thành hiện thực tùy theo trải nghiệm của mỗi người. Có thể nói rằng, thông qua việc thực hiện nghi lễ thờ cúng, người sống tiến hành “giao tiếp” với người chết. Dường như có một “dòng dây liên hệ” giữa thế giới thực tại, hữu hình với thế giới siêu nhiên, vô hình; giữa con cháu với ông bà, cha mẹ, người thân đã mất. Họ thể hiện lòng biết ơn đối với tổ tiên, bày tỏ ước vọng của mình và cảm nhận được tổ tiên thấu hiểu. Đồng thời, họ

cần phải cố gắng nhiều hơn trong cuộc sống thực để không phụ lòng mong mỏi của tổ tiên.

4. Các yếu tố thúc đẩy trong người dân tham gia thờ cúng tổ tiên

Khi mà con người còn chưa thật tin vào chính khả năng của bản thân, khi mà cuộc sống còn có nhiều khó khăn, trở ngại, còn nhiều hiểm nguy đe dọa, còn có may rủi... thì con người thường tìm đến sự giúp đỡ của các lực lượng siêu nhiên bên cạnh sự cố gắng của bản thân để họ được nâng đỡ về mặt tâm lý, có một chỗ dựa về mặt tinh thần. Điều này làm họ vững tâm hơn để tin vào chính mình. Chính điều đó trở thành động lực thúc đẩy họ thờ cúng tổ tiên. Kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy:

Bảng 4: Các yếu tố thúc đẩy người dân thờ cúng tổ tiên

STT	Các yếu tố	Kết quả		
		Số ý kiến	Tỷ lệ %	Thứ bậc
1	Tò lòng biết ơn	288	96,6	1
2	Theo phong tục, tập quán	274	91,3	4
3	Thực hiện trách nhiệm, bổn phận	246	82,6	7
4	Được phù hộ, che chở	286	95,3	3
5	Cầu may mắn, hạnh phúc	288	96,0	2
6	Được thoải mái tinh thần	274	91,3	4
7	Tránh được điều ác, làm điều thiện	236	78,7	8
8	Cầu tài, lộc, bình an	274	91,3	4
9	Khoe danh	50	16,7	10
10	Cầu lợi	78	26,0	9
11	Yếu tố khác	12	4,0	11

Từ số liệu ở bảng 3 cho thấy, qua hành vi TCTT, các cá nhân biểu hiện lòng hiếu thảo, lòng biết ơn của mình đối với tổ tiên về công sinh thành và dưỡng dục cũng như báo cáo với tổ tiên những điều đã đạt được và cả những dự định sẽ làm với những khó khăn trở ngại sẽ gặp phải. Từ đó, cầu mong tổ tiên che chở, phù hộ, giúp đỡ để họ gặp nhiều may mắn, tránh được những rủi ro, đạt được những điều đã dự định. Đó là những nội dung chính được thể hiện qua các lời cầu xin trước ban thờ, mỗ mã tổ tiên (nơi linh hồn tổ tiên trú ngụ). Có thể nói rằng, thờ cúng tổ tiên có khả năng đáp ứng nhiều nhu cầu của cá nhân và xã hội. Xét ở khía cạnh hệ thống giá trị xã hội, TCTT thể hiện đạo lý làm người, còn xét về khía cạnh tâm linh nó là một tín ngưỡng.